**Ngày soạn: …. /…. /….**

**LIÊN BANG NGA**

**TIẾT 39-40. BÀI 19. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI LIÊN BANG NGA**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hôi.

**2. Năng lực:**

**\* Năng lực chung:**

*- Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống.

+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ,…

**\* Năng lực đặc thù:**

*- Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí, điều kiện tự nhiên và dân cư và xã hội của Liên Bang Nga.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự phân bố dân cư của Liên Bang Nga.

*- Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí: Biết đọc và sử dụng bản đồ địa hình và khoáng sản Liên Bang Nga; bản đồ phân bố dân cư của Liên Bang Nga.

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

*- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, điều kiện tự nhiên và dân cư và xã hội của Liên Bang Nga.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, điều kiện tự nhiên và dân cư và xã hội của Liên Bang Nga.

**3. Phẩm chất:**

*- Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.

*- Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Có ý thức học hỏi các nền văn hoá trên thế giới.

*- Chăm chỉ:* Có ý thức xây dựng và thực hiện kế hoạch, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

*- Trung thực* trong học tập.

*- Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và rèn luyện đạo đức bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định:**

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong quá trình học.

**3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục tiêu:** HS nhận diện được một số thông tin về Liên bang Nga.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

**\* Câu hỏi:** Quốc gia nào được đề cập đến qua video (hình ảnh) em được xem?

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức đã được học và trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu hình ảnh (video), yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

*Mở đầu:* *Liên bang Nga có diện tích lớn nhất thế giới, tài nguyên thiên nhiên giàu có. Đất nước có tiềm lực lớn về khoa học kĩ thuật, nhiều dân tộc và nền văn hóa đa dạng,... Những đặc điểm đó có tác động như thế nào đến phát triển kinh tế - xã hội của Liên bang Nga?*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**

**a) Mục tiêu:** HS phân tích được ảnh hưởng của lãnh thổ và vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| **Tiêu chí** | **Nội dung** |
| Phạm vi lãnh thổ |  |
| Vị trí địa lí |  |
| Ảnh hưởng của VTĐL và PVLT |  |

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ**   |  |  | | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Nội dung** | | Phạm vi lãnh thổ | - Diện tích lớn nhất thế giới: khoảng 17 triệu km2  - Bao gồm phần lớn đồng bằng Đông Âu và toàn bộ phấn Bắc Á.  - Đường biên giới trên đất liền xấp xỉ chiều dài đường xích đạo và đường bờ biển dài. | | Vị trí địa lí | - Nằm ở phía bắc lục địa Á - Âu.  - Hệ tọa độ phần đất liền:  + Từ 41°11’B đến 77°43’B;  + Từ 27°Đ đến 169°40’T.  - Tiếp giáp:  + Phía đông: giáp Thái Bình Dương;  + Phía bắc: giáp Bắc Băng Dương và nhiều biển.  + Phía Tây, phía Nam: tiếp giáp với 14 quốc gia.  + Riêng tỉnh Ca-li-nin-grát (Kaliningrad) nằm biệt lập ở phía tây. | | Ảnh hưởng của VTĐL và PVLT | \* Thuận lợi:  - Lãnh thổ rộng lớn đã làm cho thiên nhiên đa dạng, tài nguyên phong phú.  - Thuận lợi để giao lưu, phát triển kinh tế xã hội.  \* Khó khăn:  - Lãnh thổ trải dài qua nhiều múi giờ gây khó khăn cho tổ chức và quản lý sản xuất, sinh hoạt. |   **Em có biết?**  Lãnh thổ Liên bang Nga nằm trên 11 múi giờ. Hiện nay, để thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, sinh hoạt và quản lí, Liên bang Nga lựa chọn 9 múi giờ làm giờ quốc gia. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**

**a) Mục tiêu:** HS phân tích được ảnh hưởng một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo nhóm để hoàn thành yêu cầu.

BẢNG 20.1. TRỮ LƯỢNG MỘT SỐ KHOÁNG SẢN CHÍNH CỦA LIÊN BANG NGA NĂM 2020

|  |  |
| --- | --- |
| **Khoáng sản** | **Trữ lượng** |
| Dầu mỏ *(tỉ tấn)* | 14,8 |
| Khí tự nhiên *(nghìn tỉ m3)* | 37,4 |
| Than đá *(tỉ tấn)* | 162,2 |
| Quặng sắt *(tỉ tấn)* | 25,0 |
| Kim cương *(tỉ carat)* | 1,1 |
| Vàng *(nghìn tấn)* | 6,8 |

*(Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường Liên bang Nga, 2022)*

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA ……………………………………………………**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** |
|  |  |

**\* Nhóm 1:** Phân tích ảnh hưởng của địa hình và đất

**\* Nhóm 2:** Phân tích ảnh hưởng của khí hậu.

**\* Nhóm 3:** Phân tích ảnh hưởng của sông, hồ.

**\* Nhóm 4:** Phân tích ảnh hưởng của biển.

**\* Nhóm 5:** Phân tích ảnh hưởng của sinh vật.

**\* Nhóm 6:** Phân tích ảnh hưởng của khoáng sản.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành phần** | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** | | 1. Địa hình và đất đai | - Địa hình rất đa dạng, có hướng thấp dần từ đông sang tây.  - Sông I-ê-nít-xây phân chia lãnh thổ Liên bang Nga làm 2 phần: phía tây và phía đông. | Tạo điều kiện để đa dạng hóa các hoạt động sản xuất nông nghiệp. | | - Phía Tây:  + Đồng bằng Đông Âu: rộng, có nhiều vùng đất cao, đồi thoải xen với các thung lũng rộng hoặc vùng đất thấp. Đất đai màu mỡ.  + Đồng bằng Tây Xi-bia: phía bắc chủ yếu là đầm lầy; phía nam cao hơn. Có đất đen thảo nguyên.  + Dãy núi U-ran: cao trung bình khoảng 500 - 1 200 m, là dãy núi già, ở giữa thấp. | + Thuận lợi để hình thành các vùng trồng cây lương thực, thực phẩm và chăn nuôi gia súc.  + Thích hợp cho trồng trọt.  + Thuận lợi phát triển lâm nghiệp, công nghiệp khai khoáng, giao thông. | | - Phía Đông: là cao nguyên Trung Xi-bia và các dãy núi, sơn nguyên. Địa hình ở đây hiểm trở. | - Có tiềm năng rất lớn để phát triển các ngành công nghiệp, lâm nghiệp, thủy điện.  - Khó khăn cho giao thông. | | Liên bang Nga có tài nguyên đất đa dạng: đất nâu, đất đen, đất xám, đất đài nguyên, đất pốt-dôn. | - Đất nâu, đất đen và đất xám: thuận lợi cho trồng cây lương thực và cây thực phẩm.  - Đất đài nguyên, đất pốt-dôn: nghèo dinh dưỡng, gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp. | | 2. Khí hậu | - Phần lớn lãnh thổ có khí hậu ôn đới.  - Phía tây: khí hậu ôn hòa.  - Phía đông: khí hậu lục địa.  - Phía bắc: khí hậu cận cực và cực.  - Phía tây nam: khí hậu cận nhiệt. | - Tạo điều kiện để phát triển kinh tế đa dạng, đặc biệt là nông nghiệp.  - Khó khăn: nhiều nơi khô hạn, nhiều vùng lạnh giá gây khó khăn cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. | | 3. Sông, hồ | - Sông ngòi:  + Có nhiều sông lớn.  + Thường bị đóng băng vào mùa đông. | - Có giá trị về nhiều mặt: thủy điện, giao thông vận tải, tưới tiêu, thủy sản và du lịch.  - Một số sông bị đóng băng vào mùa đông nên giao thông đường sông bị hạn chế. | | - Hồ: có nhiều hồ lớn (Bai-can là hồ nước ngọt sâu nhất thế giới). | Phát triển thủy sản, du lịch và bảo vệ tự nhiên. | | 4. Biển | - Có nhiều biển lớn, đường bờ biển dài (khoảng 37 000 km).  - Vùng biển giàu tiềm năng. | - Thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển:  + Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.  + Giao thông vận tải.  + Du lịch  + Khai thác khoáng sản.  - Vùng biển phía bắc có thời gian đóng băng kéo dài trong năm gây khó khăn cho hoạt động giao thông vận tải. | | 5. Sinh vật | - Đứng đầu thế giới về diện tích rừng: chiếm khoảng 20% diện tích rừng của thế giới. | Thuận lợi để phát triển lâm nghiệp, công nghiệp khai thác và chế biến gỗ, chăn nuôi, du lịch… | | 6. Khoáng sản | - Có nguồn tài nguyên khoáng sản giàu có, đặc biệt là dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, kim loại đen. | - Phát triển công nghiệp.  - Nhiều loại khoáng sản phân bố ở vùng có tự nhiên khắc nghiệt, khó khai thác. |   **Em có biết?**  Liên bang Nga đứng đầu thế giới về trữ lượng khí tự nhiên, đứng thứ hai về trữ lượng than đá (sau Hoa Kỳ), đứng thứ sáu về trữ lượng dầu mỏ (sau Vê-nê-xu-ê-la, Ả-rập Xê-Út, Ca-na-đa, I-ran, I-rắc); đứng thứ ba về quặng sắt (sau Ô-xtrây-li-a, Bra-xin). |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về dân cư và xã hội**

**a) Mục tiêu:** HS phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo nhóm để hoàn thành yêu cầu.

BẢNG 19. SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA LIÊN BANG NGA GIAI ĐOẠN 1995-2020

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1995** | **2000** | **2010** | **2015** | **2020** |
| Số dân *(triệu người)* | 148,2 | 146,4 | 143,5 | 145,0 | 145,9 |
| Tỉ lệ gia tăng dân số *(%)* | 0,0 | -0,4 | 0,0 | 0,2 | -0,2 |

*(Nguồn: UN, 2022)*

**\* Nhóm 1, 4:** Phân tích ảnh hưởng của dân cư.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

**PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA …………………………**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** |
| Quy mô và gia tăng dân số |  |  |
| Cơ cấu dân số |  |  |
| Phân bố dân cư |  |  |

**\* Nhóm 2, 5:** Phân tích ảnh hưởng của dân cư.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

**PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA …………………………**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** |
| Đô thị hóa |  |  |
| Dân tộc |  |  |

**\* Nhóm 3, 6:** Phân tích ảnh hưởng của xã hội.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** |
|  |  |

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI**  **1. Dân cư**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** | | Quy mô và gia tăng dân số | - Là nước đông dân: 145,9 triệu người (năm 2020) | - Thuận lợi: Thị trường tiêu thụ lớn.  - Khó khăn: Nguy cơ thiếu hụt nguồn lao động. | | - Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên rất thấp, có giá trị âm trong nhiều năm. | | Cơ cấu dân số | - Cơ cấu dân số già. | - Làm gia tăng phúc lợi xã hội và nguy cơ thiếu nguồn lao động, gây áp lực cho nền kinh tế. | | Phân bố dân cư | - Mật độ dân số trung bình rất thấp: chưa đến 9 người/km2 (năm 2020).  - Phân bố không đều. | Khó khăn cho việc sử dụng lao động và khai thác tài nguyên. | | Đô thị hóa | - Tỉ lệ dân thành thị khá cao: 74,8 % (năm 2020).  - Các đô thị chủ yếu thuộc loại nhỏ và trung bình. | - Thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, nâng cao chất lượng cuộc sống.  - Khó khăn: gây ra nhiều sức ép, nhất là ở các đô thị lớn. | | Dân tộc | Có khoảng 100 dân tộc, trong đó người Nga chiếm hơn 80,9% dân số. | - Thuận lợi:  + Tạo ra sự đa dạng văn hóa, truyền thống dân tộc.  + Là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội.  - Khó khăn: Tạo nên một số vấn đề cần giải quyết liên quan đến vấn đề dân tộc. |   **2. Xã hội**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Ảnh hưởng** | | - Nền văn hóa đa dạng và độc đáo.  - Trình độ học vấn của người dân khá cao: tỉ lệ biết chữ của người từ 15 tuổi trở lên đạt trên 99,4% (năm 2020).  - Là một trong những quốc gia đứng hàng đầu thế giới về nghiên cứu khoa học cơ bản.  - Giáo dục, đào tạo được chú trọng phát triển.  - HDI của Liên bang Nga ở mức rất cao (năm 2020 là 0,830). | - Thuận lợi cho phát triển kinh tế đất nước, đặc biệt đối với ngành du lịch.  - Khó khăn: đang phải đối mặt với nhiều thách thức như sự phân hóa trình độ phát triển kinh tế giữa các khu vực, nhiều vấn đề xã hội phức tạp,... | |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong bài học.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**\* Câu hỏi:**

1. Quan sát hình 19.2, hãy nhận xét sự phân bố địa hình của Liên bang Nga.

2. Vẽ sơ đồ thể hiện những thuận lợi và khó khăn của dân cư Liên bang Nga đến phát triển kinh tế - xã hội.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

1. Quan sát hình 19.2, hãy nhận xét sự phân bố địa hình của Liên bang Nga.

- Địa hình của Liên bang Nga khá phức tạp, về cơ bản được chia thành hai phần, phân cách nhau bởi sông I-ê-nít-xây:

+ Phía tây bao gồm: đồng bằng Đông Âu, đồng bằng Tây Xi-bia, dãy núi U-ran

+ Phía đông là cao nguyên Trung Xi-bia và các dãy núi, sơn nguyên, như: dãy Cô-lưu-ma, dãy Véc-khôi-an, dãy Xai-an, sơn nguyên Tru-cốt-xki, sơn nguyên Xta-nô-vôi.

2. Vẽ sơ đồ thể hiện những thuận lợi và khó khăn của dân cư Liên bang Nga đến phát triển kinh tế - xã hội.



**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

**\* Câu hỏi:** Sưu tầm và trình bày về các thành tựu trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa và khoa học kĩ thuật của Liên bang Nga.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

- Lĩnh vực giáo dục:

+ Nền giáo dục của Nga có truyền thống lâu đời, chất lượng khá cao và mang đậm bản sắc dân tộc Nga.

+ Nhà nước đảm bảo cho các công dân Liên bang Nga được hưởng một nền giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp miễn phí.

+ Giáo dục chuyên nghiệp có sơ cấp, trung cấp, đại học và sau đại học.

+ Nga thực hiện đa dạng hóa các loại hình trường học, phát triển mạnh các trường dân lập, nhất là ở bậc cao đẳng, đại học.

+ Nga cho mở các trường đại học và các chi nhánh trường đại học của Nga ở nước ngoài, đồng thời tiếp tục thu hút học sinh nước ngoài đến học với ưu thế học phí rẻ và chi phí sinh hoạt rẻ.

- Lĩnh vực văn hóa:

+ Văn hóa Nga có truyền thống lâu đời về nhiều mặt của nghệ thuật, đặc biệt khi nói đến văn học, múa dân gian, triết học, âm nhạc cổ điển, nhạc dân gian, múa dân gian, truyền thống, múa ba lê, kiến trúc, hội họa, điện ảnh, hoạt hình và chính trị, tất cả đều có ảnh hưởng đáng kể đến văn hóa thế giới.

+ Ngày nay, di sản văn hóa Nga được xếp hạng thứ bảy trong Chỉ số thương hiệu quốc gia, dựa trên các cuộc phỏng vấn của khoảng 20.000 người chủ yếu đến từ các nước phương Tây và Viễn Đông.

+ Tiếng Nga là ngôn ngữ được sử dụng trên vùng địa lý rộng nhất của lục địa Á Âu và cũng là ngôn ngữ nói Xlavơ được dùng rộng rãi nhất. Hơn một phần tư tác phẩm văn học-khoa học trên thế giới được xuất bản bằng tiếng Nga. Tiếng Nga cũng là phương tiện mã hóa và lưu trữ thông tin toàn cầu, với khoảng 60 đến 70% thông tin toàn cầu được xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Nga. Tiếng Nga cũng là một trong sáu ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc. Văn học Nga nằm trong số những nền văn học phát triển và có tầm ảnh hưởng nhất thế giới, với những tác phẩm văn học thuộc hàng nổi tiếng nhất.

- Lĩnh vực khoa học - kĩ thuật:

+ Nền khoa học Nga đạt được nhiều thành tựu lớn trong nghiên cứu cơ bản thuộc đỉnh cao của thế giới. Mặc dù bị suy giảm nhiều trong quá trình chuyển đổi kinh tế, Nga vẫn là một trong những nước có tiềm năng khoa học to lớn nhất, chỉ đứng sau Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc.

+ Chính phủ Nga đã quyết định thành lập các tổ chức nghiên cứu - ứng dụng khoa học và công nghệ mới, như Dự án Skolkovo ở ngoại ô Moskva (một dạng Thành phố khoa học - công nghệ hay Trung tâm - công viên khoa học công nghệ lớn), và các trung tâm nghiên cứu mới, các Tổng công ty nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao (như Tổng công ty Công nghệ nano - Rusnano) với các cơ chế hoạt động thúc đẩy đổi mới sáng tạo bằng cách tạo ra cầu nối giữa nghiên cứu và bên công nghiệp.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và nêu suy nghĩ của bản thân.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.